

Since
1906*

Đại học nữ Sookmyung
Tuyển sinh sinh viên nước ngoài
hệ Cao học mùa xuân 2025

Đối tượng: Người nước ngoài có bố mẹ đều là người nước ngoài
Trong trường hợp nội dung không đồng nhất, bản hướng dẫn tiếng Hàn sẽ được ưu tiên.



숙명여자대학교
SOOKMYUNG WOMEN'S UNIVERSITY

1

Lịch tuyển sinh

Phân loại	Nhập học tháng 3.2025			Điểm cần lưu ý
	Lần 1	Lần 2	Lần 3	
Đăng ký hồ sơ online	3.9.2024 10:00 ~ 12.9.2024 17:00	6.11.2024 10:00 ~ 14.11.2024 17:00	6.1.2025 10:00 ~ 13.1.2025 17:00	. Website tiếng anh của trường Đại học nữ sinh Sookmyung > Admission (http://e.sookmyung.ac.kr/)> Apply online
Hạn nộp phí xét tuyển	12.9.2024 17:00	14.11.2024 17:00	13.1.2025 17:00	Bắt buộc phải nộp phí xét tuyển trong thời hạn quy định
Hạn nộp hồ sơ	27.9.2024 16:00	22.11.2024 16:00	13.1.2025 17:00	. Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện (Không nhận hồ sơ qua email) [Địa chỉ nộp hồ sơ] Administration Building #203, Office of International Affairs, Sookmyung Women's University, 100 Cheongpa-ro 47-gil, Yongsan-gu, Seoul, Korea, 04310 . In bản đăng kí online ra rồi nộp đầy đủ cùng các giấy tờ khác. . Tất cả các loại hồ sơ phải sắp xếp theo trật tự (http://www.sookmyung.ac.kr/)
Hướng dẫn địa điểm thi	14.10.2024	9.12.2024	20.1.2025	. Kiểm tra tại website tiếng Anh của trường
Phỏng vấn · Thi vấn đáp	<u>18.10.2024</u>	<u>13.12.2024</u>	<u>22.1.2025</u>	. Phải có mặt ở phòng chờ trước 30 phút . Mang theo phiếu dự thi và chứng minh thư. . Đối với thí sinh khối ngành nghệ thuật-năng khiếu, khi thi vấn đáp có thể tiến hành đánh giá Portfolio hoặc thi thực hành nên cần kiểm tra trước nội dung thi biểu diễn.
Thông báo trúng tuyển	4.11.2024	30.12.2024	5.2.2025	. Kiểm tra tại website tiếng Anh của trường
Nộp học phí	tháng 1 năm 2025		6.2.2025~7.2.2025	. Lịch nộp và cách nộp học phí cụ thể sẽ được thông báo khi có kết quả thí sinh
Nộp hồ sơ xác nhận lãnh sự/ Apostille	Tháng 2 năm 2025			. Hạn cuối nộp bằng tốt nghiệp và Bảng điểm có xác nhận lãnh sự/Apostille sẽ được thông báo sau
Định hướng tân sinh viên	Tháng 2 năm 2025			Thời gian và địa điểm sẽ được thông báo sau
Khai giảng	Tháng 3 năm 2025			

1. Việc tiếp nhận hồ sơ trực tuyến được tiến hành theo quy định. (Study in Korea website.)
2. Hồ sơ phải được nộp đến trường trong thời hạn quy định (không tiếp nhận qua e-mail).
3. Việc đánh giá hồ sơ được thực hiện trong thời gian tuyển sinh tương ứng và không công bố kết quả đánh giá riêng lẻ. Trong trường hợp hồ sơ có tài liệu bị thiếu, nhà trường sẽ liên lạc với thí sinh nên cần ghi địa chỉ liên hệ thật chính xác.

Trong trường hợp Bằng tốt nghiệp và Bảng điểm cần xác nhận lãnh sự/Apostille không thể nộp trong thời hạn quy định, hạn cuối cùng là giữa tháng 2 năm 2025. Lưu ý hồ sơ không đến kịp trong thời hạn quy định sẽ không được xét duyệt và có thể bị xét trượt.

2 Khoa và chuyên ngành tuyển sinh

- Thí sinh khóa Thạc sĩ đăng ký ứng tuyển theo khoa và lựa chọn chuyên ngành sau khi nhập học. Thí sinh đăng ký ngành Piano, Đàn nhạc, Sáng tác và Nghệ thuật tạo hình phải chọn chuyên ngành trước khi nộp hồ sơ
- Hệ Thạc sĩ Tiến sĩ kết hợp chỉ tuyển sinh mới, không nhận chuyển tiếp

(1) Khối Xã hội Nhân văn

Khoa	Chuyên ngành	Nhập học mới			Chuyển tiếp		Hệ Tiếng Anh
		M.A	Ph.D.	Hệ kết hợp MA/Ph.D	MA	Ph.D.	
Khoa ngôn ngữ văn hoá Hàn Quốc	Văn học cổ, Văn học hiện đại, Quốc ngữ, Giáo dục tiếng	○	○	○	○	○	
Khoa lịch sử văn hóa	Lịch sử Phương Đông, Lịch sử Phương Tây, Lịch sử Hàn Quốc	○	○	-	○	○	
Khoa ngôn ngữ văn hoá Pháp	Tiếng Pháp, Văn học Pháp	○	○	○	○	○	
Khoa ngôn ngữ văn hoá Trung Quốc	Văn học Trung Quốc, Tiếng Trung Quốc	○	○	○	○	○	
Khoa ngôn ngữ văn hoá Đức	Văn học Đức, Tiếng Đức	○	○	○	○	○	
Khoa Nhật Bản	Nhật Bản học	○	-	-	○	-	
Khoa thông tin thư viện	Thông tin thư viện, Quản lý thư viện	○	○	-	-	-	
Khoa lịch sử Mỹ thuật	Lịch sử Mỹ thuật	○	○	○	○	-	
Khoa ngôn ngữ văn hoá Anh	<M.A> Văn hóa Anh, tiếng Anh, Biên dịch <Ph.D> Văn hóa Anh, Tiếng Anh, Biên dịch, TESOL	○	○	-	○	○	●(TESOL)
Khoa văn hoá du lịch	Quản trị du lịch, Quản trị văn hóa nghệ thuật; Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	○	○	-	-	-	
Khoa giáo dục	Tư vấn giáo dục, Tâm lý giáo dục & Đo lường·Đánh giá, Giáo dục trọn đời, Công nghệ giáo dục	○	○	-	○	○	
Khoa gia đình học	Gia đình học	○	○	-	○	○	
Khoa phúc lợi trẻ em	Phúc lợi trẻ em–thanh thiếu niên, Điều trị tâm lý trẻ em, Giáo dục và bồi dưỡng trẻ em	○	○	○	○	○	
Khoa chính trị ngoại giao	Chính trị ngoại giao	○	○	○	○	○	
Khoa hành chính	Hành chính	○	○	○	○	○	

Khoa tâm lý xã hội	Tâm lý học xã hội, Tâm lý học tội phạm, Tâm lý học nhận thức	○	-	-	-	-	
Khoa phương tiện thông tin đại chúng	Phương tiện thông tin đại chúng (Media)	○	○	-	○	○	
Khoa quảng cáo và PR	PR(Public Relations) & Quảng cáo	○	○	○	○	○	
Khoa luật	Luật học	○	○	○	-	-	
Khoa Kinh tế	Kinh tế lý luận, Kinh tế ứng dụng, ngành tâm lý học pháp luật, Lịch sử kinh tế, Kinh tế quốc	○	○	○	-	-	
Khoa kinh tế người tiêu dùng	Kinh tế người tiêu dùng	○	-	-	○	-	
Khoa kinh doanh	Tổ chức-nhân sự, Marketing, Kế toán, Quản lý vận hành sản xuất/MIS, Quản lý tài chính, Kinh doanh quốc tế/ Chiến lược, Business Analytics	○	○	○	○	○	
Khoa Global Services	Hợp tác quốc tế, Khởi nghiệp kinh doanh quốc tế	○	-	-	-	-	

(2) Khối Khoa học Tự nhiên (thí sinh phải liên lạc trước với giáo sư hướng dẫn và điền tên của giáo sư vào hồ sơ đăng ký)

Khoa	Chuyên ngành	Nhập học mới			Chuyển tiếp		Hệ Tiếng Anh
		M.A	Ph.D	Hệ kết hợp MA/Ph.D	M.A	Ph.D	
Khoa hoá học	Hoá học vô cơ và hóa phân tích, Hoá học hữu cơ và ngành hóa sinh, Vật lý hoá học	○	○	○	-	-	●
Khoa sinh học hệ thống	Sinh học hệ thống (● có hệ song ngữ theo từng khoa)	○	○	○	○	○	●
Khoa toán	Toán học	○	○	○	○	○	
Khoa thống kê	Thống kê học	○	○	○	○	○	
Khoa thiết kế thời trang	Thiết kế thời trang	○	○	○	○	○	
Khoa thực phẩm dinh dưỡng	<M.A> Thực phẩm dinh dưỡng, dinh dưỡng lâm sàng (không có hệ kết hợp); <Ph.D> Thực phẩm dinh dưỡng	○	○	○	○	○	
Khoa dược	Dược sinh học, Bảo chế thuốc, Dược lâm sàng	○	○	○	○	○	●
Khoa bào chế thuốc	Y tế và Xã hội (● có hệ song ngữ theo từng khoa)	○	○	○	○	○	●

(3) Khối Công nghệ (thí sinh phải liên lạc trước với giáo sư hướng dẫn và điền tên của giáo sư vào hồ sơ đăng ký)

Khoa	Chuyên ngành	Nhập học mới			Chuyển tiếp		Hệ Tiếng Anh
		M.A	Ph.D	Hệ kết hợp MA/Ph.D	MA	Ph.D	
Kỹ thuật IT	Công nghệ IT	○	○	○	-	-	
Công nghệ sinh hóa	Công nghệ sinh hóa	○	○	○	○	○	●
Khoa học máy tính	Khoa học máy tính	○	○	-	○	-	
Kỹ thuật điện tử	Kỹ thuật điện tử	○	○	○	○	○	
Hệ thống cơ khí	Công nghệ cơ khí	○	○	○	○	○	●
Chế tạo phần mềm	Phần mềm tổng hợp	○	-	-	○	-	
Vật lý ứng dụng	Vật lý ứng dụng	○	○	○	-	-	

(4) Khối Năng khiếu (Thí sinh khoa tương ứng nộp portfolio và video, vui lòng tham khảo trang 10~12)

Khoa	Chuyên ngành	Nhập học mới			Chuyển tiếp		Hệ Tiếng Anh
		M.A	Ph.D	Hệ kết hợp MA/Ph.D	MA	Ph.D	
Piano	Biểu diễn, đệm Piano	○	○	-	○	-	
Dàn nhạc	Bộ gió, bộ dây, bộ gõ	○	-	-	-	-	
Thanh nhạc	Thanh nhạc	○	○	-	-	-	
Sáng tác	Sáng tác, lý luận âm nhạc, chỉ huy(hợp xướng)	○	○	-	-	-	
Âm nhạc	Biểu diễn Piano, bộ gió, bộ dây, sáng tác, lý luận âm nhạc, âm nhạc trị liệu	-	○	-	-	-	
Thiết kế đồ họa	Thiết kế đồ họa và hình ảnh	○	-	-	○	-	
Thiết kế công nghiệp	Thiết kế công nghiệp	○	-	-	○	-	
Thiết kế môi trường Thiết kế môi trường	Thiết kế kiến trúc, Thiết kế đô thị-cảnh quan- kiến trúc, thiết kế nội thất	○	-	-	○	-	
Thiết kế	Thiết kế đồ họa và hình ảnh động, thiết kế công nghiệp, thiết kế không gian môi trường	-	○	-	-	○	
Nghệ thuật tạo hình	Kim loại, đồ gốm, sơn mài, dệt may, hội họa, hội họa Hàn Quốc	○	○	-	○	○	
Khoa thể dục	Thể dục	○	○	○	○	○	
Múa	<M.A> Múa Hàn Quốc, Ballet, Múa hiện đại <Ph.D> Múa	○	○	○	○	-	

(5) Chương trình liên

Khoa	Chuyên ngành	Nhập học mới			Chuyển tiếp		Hệ Tiếng Anh
		M.A	Ph.D	Hệ kết hợp MA/Ph.D	MA	Ph.D	
Chính sách phát triển nhân lực	Chính sách phát triển nhân lực	○	○	○	○	○	
Đông Á học	Đông Á học	-	○	-	-	○	
Công nghiệp sức khỏe	Công nghiệp mỹ phẩm và làm đẹp	-	○	-	-	○	
Khoa học Big Data tổng hợp	Big Data tổng hợp	○	-	-	-	-	
Khí hậu môi trường năng lượng	Khí hậu môi trường năng lượng	○	○	○	○	○	
Giáo dục văn hóa nghệ thuật	Giáo dục văn hóa nghệ thuật	-	○	-	-	○	

1. Nhập học mới

A. Quốc tịch

Nữ người nước ngoài có bố và mẹ đều là người nước ngoài

- Đối với trường hợp bố mẹ và thí sinh đổi quốc tịch Hàn Quốc sang quốc tịch nước ngoài, chỉ áp dụng với các thí sinh đã mang quốc tịch nước ngoài trước khi nhập học Trung học phổ thông.
 - Người có quốc tịch kép trong đó có một quốc tịch Hàn Quốc không được đăng kí theo diện cho người nước ngoài.
 - Trong trường hợp chỉ có quan hệ gia đình với bố hoặc mẹ (gia đình bố/mẹ đơn thân), thí sinh được xét theo quốc tịch của bố hoặc mẹ.
- ※ Nếu có vấn đề đặc biệt liên quan tới quan hệ gia đình và quốc tịch (ly hôn/ tái hôn/ chưa kết hôn/ qua đời/ mất tích/ nhận con nuôi, vv...), thí sinh nhất định phải nộp các tài liệu chứng minh điều này.

B. Học lực

1) Khóa Thạc sĩ, khóa Thạc sĩ/Tiến sĩ kết hợp

- Đã tốt nghiệp Đại học chính quy tại các trường trong và ngoài nước hoặc sắp lấy bằng vào tháng 8 năm 2024
- Người có trình độ tương đương trở lên được pháp luật công nhận

2) Khóa Tiến sĩ

- Đã tốt nghiệp Cao học tại các trường đại học chính quy trong và ngoài nước hoặc sắp lấy bằng vào tháng 8 năm 2024
- Người có trình độ tương đương trở lên được pháp luật công nhận
- Thí sinh ứng tuyển chuyên ngành Âm nhạc trị liệu Khoa Âm nhạc phải có trên 2 năm kinh nghiệm lâm sàng trong lĩnh vực Âm nhạc trị liệu

C. Năng lực ngoại ngữ

- Có chứng chỉ năng lực tiếng Hàn TOPIK từ cấp 3 trở lên (cấp 4 trở lên đối với ngành Phúc lợi trẻ em, ngành Đông Á học)
- TESOL, khoa Hóa, khoa Công nghệ sinh học, khoa Hóa sinh, khoa hệ thống cơ khí cần TOEFL PBT 530, CBT 197, IBT 71, IELTS 5.5, TEPS(mới) 327 trở lên hoặc có chứng chỉ năng lực tiếng được công nhận chính thức với điểm số tương đương
- Chuyên ngành có hệ song ngữ (học bằng tiếng Hàn hoặc tiếng Anh) bao gồm Khoa Sinh học hệ thống, Khoa Dược và Khoa Bào chế thuốc, thí sinh của từng khoa tương ứng phải đảm bảo đủ các điều kiện tốt nghiệp theo tiêu chuẩn của hệ tiếng mà bản thân đã lựa chọn khi nhập học
- Về những điều kiện ngoại lệ khác, vui lòng tham khảo mục (4)~(6) trang (p.13) [7] Điều kiện tuyển sinh

2. Chuyển tiếp

Phân loại		Hệ Thạc sĩ	Hệ Tiến sĩ
Tuyển sinh chuyển tiếp	Kỳ 2	Người đã (hoặc sắp) hoàn thành 1 học kì trở lên hoặc đã (hoặc sắp) hoàn thành 6 tín chỉ của chuyên ngành, khối ngành tương ứng hệ Thạc sĩ tại các trường đại học trong và ngoài nước	Người đã (hoặc sắp) hoàn thành 1 học kì trở lên hoặc đã (hoặc sắp) hoàn thành 9 tín chỉ của chuyên ngành, khối ngành tương ứng hệ Tiến sĩ tại các trường đại học trong và ngoài nước
	Kỳ 3	Người đã (hoặc sắp) hoàn thành 2 học kì trở lên hoặc đã (hoặc sắp) hoàn thành 12 tín chỉ của chuyên ngành, khối ngành tương ứng hệ Thạc sĩ tại các trường đại học trong và ngoài nước	Người đã (hoặc sắp) hoàn thành 2 học kì trở lên hoặc đã (hoặc sắp) hoàn thành 18 tín chỉ của chuyên ngành, khối ngành tương ứng hệ Tiến sĩ tại các trường đại học trong và ngoài nước Thí sinh ứng tuyển chuyên ngành Âm nhạc trị liệu Khoa Âm nhạc phải có trên 2 năm kinh nghiệm lâm sàng trong lĩnh vực Âm nhạc trị liệu

- 1) Việc công nhận chuyên ngành, khối ngành tương ứng với hệ ứng tuyển sẽ do hội đồng giám khảo thẩm định vào ngày phỏng vấn-thi vấn đáp
 - 2) Tùy theo môn học mà người ứng tuyển đã hoàn thành, kỳ học bắt đầu cho hệ chuyển tiếp có thể khác với kỳ học thực tế chuyển đổi theo số tín chỉ
- *- Số tín chỉ được công nhận tối đa cho người học chuyển tiếp chương trình đào tạo thạc sĩ là 12, tiến sĩ là 18

1. Giấy tờ bắt buộc

Giấy tờ bắt buộc	Ghi chú
Đơn xin nhập học	In ra sau khi đăng kí Online tại trang Jinhakapply
Kế hoạch học tập và nghiên cứu	. Viết bằng tiếng Hàn Quốc hoặc tiếng Anh [Mẫu 2]
Sơ yếu lý lịch (đối với khóa Tiến sĩ)	. Viết bằng tiếng Hàn Quốc hoặc tiếng Anh [Mẫu 2]
Phiếu đồng ý xác nhận học lực	. Viết bằng tiếng Hàn Quốc hoặc tiếng Anh [Mẫu 3]
Bảng tốt nghiệp (hoặc dự kiến tốt nghiệp) (có xác nhận lãnh sự/Apostille, trừ thí sinh tốt nghiệp tại HQ) ※ Thí sinh tốt nghiệp tại Trung Quốc tham khảo hồ sơ tại trang 9	<p>◆ Thí sinh đăng kí hệ Thạc sĩ</p> <p>① Bảng (Giấy xác nhận dự kiến) tốt nghiệp Đại học, 1 bản</p> <p>② Bảng điểm toàn khóa Đại học, 1 bản</p> <p>◆ Thí sinh đăng kí hệ Tiến sĩ</p> <p>① Bảng tốt nghiệp Đại học, bảng điểm toàn khóa đại học, mỗi loại 1 bản</p> <p>② Bảng (Giấy xác nhận dự kiến) tốt nghiệp Cao học, bảng điểm toàn khóa hệ Cao học, mỗi loại 1 bản</p> <p><u>Thí sinh tốt nghiệp trường đại học nước ngoài lựa chọn 1 trong các cách sau đây:</u></p> <p>① Hồ sơ giấy tờ học tập có xác nhận Apostille</p> <p>② Hồ sơ giấy tờ học tập có xác nhận lãnh sự tại quốc gia của trường học đó</p> <p>Điểm lưu ý đối với bảng điểm toàn khóa học</p> <p>① Nộp bảng điểm có kết quả tính theo hệ số điểm 100 (Nếu không thể chuyển sang hệ số 100, có thể dùng hệ số điểm 10, nộp bổ sung giải thích về hệ thống điểm)</p> <p>② Trường hợp thí sinh không nộp được bảng điểm hệ 100, hoặc không có giấy tờ bổ sung giải thích về hệ số điểm tương ứng, cần nộp bổ sung giấy xác nhận bảng điểm được trường học cấp</p> <p>③ Trong trường hợp không có xác nhận bảng điểm chính thức của trường theo học, truy cập trang web WES (www.wes.org) hoặc Foreign Credits (www.foreigncredits.com) để chuyển đổi hệ số điểm</p> <p>④ Thí sinh sắp tốt nghiệp nộp bảng điểm bao gồm điểm số của học kỳ ngay trước đó</p> <p>⑤ <u>Thí sinh tốt nghiệp hệ học chuyên tiếp nộp cả bảng điểm của trường học trước khi chuyển tiếp</u></p> <p>⑥ <Học bổng sinh viên trao đổi Sookmyung> Tài liệu bổ sung: giấy chứng nhận sinh viên (đối với sinh viên đang đi học) hoặc bảng điểm (giấy chứng nhận hoàn thành chương trình học)</p>
Bảng điểm toàn khóa học có xác nhận lãnh sự/Apostille, trừ thí sinh tốt nghiệp tại HQ ※ Thí sinh tốt nghiệp tại Trung Quốc tham khảo hồ sơ tại trang 8	
Giấy chứng minh quốc tịch của thí sinh và bố mẹ thí sinh	Giấy khai sinh hoặc Sổ hộ khẩu, Bản sao hộ chiếu của bố mẹ * Thí sinh quốc tịch Trung Quốc cần nộp bản dịch công chứng hộ khẩu hộ tịch toàn bộ thành viên gia đình và chứng minh thư của bố mẹ Trường hợp sổ hộ khẩu không bao gồm toàn bộ thành viên gia đình, cần nộp hộ khẩu và giấy xác nhận quan hệ gia đình, bản dịch công chứng. Trường hợp nộp bản sao hộ chiếu của cả gia đình, cần nộp thêm bản dịch công chứng giấy xác nhận quan hệ gia đình.

2. Hồ sơ không bắt buộc

Hồ sơ không bắt buộc	Lưu ý
Chứng chỉ năng lực tiếng Hàn	TOPIK cấp 3 trở lên (Topik cấp 4 trở lên đối với Khoa phúc lợi trẻ em, Khoa Đông Á học) hoặc hoàn thành khóa tiếng Hàn cấp 4 tại Viện giáo dục văn hóa ngôn ngữ quốc tế của trường Sookmyung ※ Về những điều kiện ngoại lệ khác, vui lòng tham khảo mục (4)-(6) trang (p.13) [7] Điều kiện tuyển sinh
Chứng chỉ năng lực tiếng Anh	Khoa TESOL, Hóa học, Hóa sinh, Hệ thống cơ khí yêu cầu TOEFL PBT 530, CBT 197, IBT 71, IELTS 5.5, TEPS (mới) 327 trở lên hoặc các chứng chỉ Tiếng Anh tương ứng ※ Về những điều kiện ngoại lệ khác, vui lòng tham khảo mục (4)-(6) trang (p.13) [7] Điều kiện tuyển sinh

Thí sinh đăng ký hệ song ngữ	Chuyên ngành có đào tạo song ngữ (đào tạo bằng tiếng Hàn hoặc tiếng Anh) bao gồm Khoa Sinh học hệ thống, Khoa Dược, Khoa Điều chế thuốc, thí sinh của từng khoa tương ứng phải đảm bảo đủ các điều kiện tốt nghiệp theo tiêu chuẩn của hệ tiếng mà bản thân đã lựa chọn khi nhập học
Chứng minh thư người nước ngoài	Áp dụng với thí sinh nước ngoài sống tại Hàn Quốc
Hệ Thạc sĩ	Thí sinh khoa Sáng tác (chuyên ngành sáng tác): 1 tác phẩm của tự sáng tác Thí sinh khoa Mỹ thuật: portfolio Khối âm nhạc: [mẫu 4] Chỉ những thí sinh đăng ký chuyên ngành tương ứng phải nộp
Hệ Tiến sĩ	Tất cả các thí sinh: <ul style="list-style-type: none"> Nộp tài liệu chứng minh cho bản sơ yếu lý lịch (viết bằng tiếng Hàn Quốc hoặc tiếng Anh) Nộp khóa luận thạc sĩ viết bằng tiếng Hàn Quốc hoặc tiếng Anh Hồ sơ nộp bổ sung đối với khoa Âm nhạc: <ul style="list-style-type: none"> Chuyên ngành sáng tác: nộp từ 3 tác phẩm trở lên (bao gồm 1 tác phẩm cho đàn nhạc) Chuyên ngành lý luận: 1 bản luận văn Thí sinh khoa Mỹ thuật: nộp portfolio Khối âm nhạc: [mẫu 4] Chỉ những thí sinh đăng ký chuyên ngành tương

3. Hồ sơ cho thí sinh hệ chuyển tiếp

Hệ Thạc sĩ	Hệ Tiến sĩ
<ul style="list-style-type: none"> ① Chứng nhận đang theo học hệ thạc sĩ, 1 bản ② Bảng điểm khóa học thạc sĩ (thang điểm 100), 1 bản ③ Bảng tốt nghiệp đại học, 1 bản ④ Bảng điểm toàn khóa đại học (thang điểm 100), 1 bản ⑤ Kế hoạch học tập và nghiên cứu (theo mẫu), 1 bản ⑥ Phiếu đồng ý xác nhận học lực - hệ thạc sĩ (theo mẫu), 1 bản 	<ul style="list-style-type: none"> ① Chứng nhận đang theo học hệ Tiến sĩ, 1 bản ② Bảng điểm khóa học tiến sĩ (thang điểm 100), 1 bản ③ Bảng tốt nghiệp thạc sĩ, 1 bản ④ Bảng điểm khóa học thạc sĩ (thang điểm 100), 1 bản ⑤ Bảng tốt nghiệp đại học, 1 bản ⑥ Bảng điểm toàn khóa đại học (thang điểm 100), 1 bản ⑦ Kế hoạch học tập và nghiên cứu (theo mẫu), 1 bản ⑧ Sơ yếu lý lịch (theo mẫu), 1 bản ⑨ Phiếu đồng ý xác nhận học lực - hệ tiến sĩ (theo mẫu), 1 bản

4. Lưu ý khi nộp hồ sơ

- A. Tất cả giấy tờ, theo nguyên tắc, phải nộp bản gốc.
- B. Tất cả các giấy tờ không phải là tiếng Anh hoặc tiếng Hàn thì bắt buộc phải nộp bản dịch công chứng.
- C. Tất cả các hạng mục của hồ sơ phải được ghi chính xác và nộp đúng theo thời hạn quy định.
- D. Trong trường hợp cần thiết thí sinh có thể được yêu cầu nộp hồ sơ bổ sung, nếu không hoàn thành hồ sơ theo yêu cầu thì có thể bị xét trượt.
- E. Đối với thí sinh chuẩn bị tốt nghiệp, sau khi trúng tuyển sẽ phải nộp bổ sung bằng tốt nghiệp.
- F. Thí sinh hệ chuyển tiếp đang trong thời gian bảo lưu phải nộp Chứng nhận bảo lưu hoặc Chứng nhận hoàn thành khóa học thay cho Giấy chứng nhận đang theo học.
- G. Trong trường hợp tên thí sinh trên giấy đăng kí khác với tên ghi trên giấy tờ khác thì cần nộp kèm theo hồ sơ chứng minh.
- H. Toàn bộ hồ sơ đã nộp sẽ không được hoàn trả lại (cả khi không đỗ).

* Hướng dẫn về xác nhận Apostille và Hợp pháp hóa lãnh sự

1. Bằng tốt nghiệp và Bằng điểm tại trường nước ngoài

Bằng tốt nghiệp và Bằng điểm được cấp bởi các trường đại học nước ngoài phải được xác nhận Apostille/xác nhận lãnh sự trước khi nộp.

A. Chứng nhận Apostille

Nộp chứng nhận Apostille do cơ quan chính phủ được chỉ định tại quốc gia tương ứng với trường đã theo học, kèm theo bản gốc bằng tốt nghiệp và bằng điểm

B. Xác nhận lãnh sự Hàn Quốc tại quốc gia tương ứng

Xin xác nhận lãnh sự tại cơ quan lãnh sự Hàn Quốc tại quốc gia tương ứng và nộp kèm theo bản gốc bằng tốt nghiệp và bằng điểm

2. Xác nhận Apostille

A. Cơ quan xác nhận

- Bộ phận xác nhận Apostille – Bộ ngoại giao: 02-2100-7600
- Bộ phận xác nhận Apostille – Bộ pháp vụ: 02-720-8027
- Có thể kiểm tra thông tin về các cơ quan chuyên trách tại mỗi quốc gia thành viên Công ước Hague Apostille trên trang chủ (www.hcch.net)

B. Quốc gia thành viên Apostille (tiêu chuẩn ngày 11.01.2024)

Khu vực	Quốc gia thành viên
Châu Á – Thái Bình Dương	Australia, Macau, Hong Kong, Japan, Korea, New Zealand, Brunei, Mongolia, Cook Islands, Fiji, India, Marshall Islands, Mauritius, Vanuatu, Samoa, Tonga, Niue, Tajikistan, Philippines, Singapore, Indonesia, China
Châu Âu	Albania, Austria, Belarus, Belgium, Bosnia and Herzegovina, Bulgaria, Croatia, Kypros, Czech, Denmark, Estonia, Finland, France, Georgia, Germany, Malta, Greece, Hungary, Iceland, Ireland, Italy, Latvia, Lithuania, Luxemburg, Monaco, Montenegro, Netherland, Norway, Poland, Portugal, Russia, Romania, Serbia, Slovakia, Slovenia, Spain, Sweden, Swiss, Turkey, Kyrgyzstan, Republic of Macedonia, Ukraine, Britain, Andorra, Armenia, Azerbaijan, Moldova, Liechtenstein, Kazakhstan, Uzbekistan, Kosovo
Bắc Mỹ	United States (includes Gwam, Maury Island, Saipan, Puerto Rico), Canada
Nam Mỹ	Argentina, Mexico, Panama, Suriname, Venezuela, Antigua and Barbuda, Bahamas, Barbados, Belize, Colombia, Dominican Republic, Dominican Republic, Ecuador, El Salvador, Granada, Honduras, Saint Vincent, Peru, Trinidad and Tobago, Saint Lucia, Saint Kitts and Nevis, Costa Rica, Uruguay, Nicaragua, Paraguay, Brazil, Chile, Guatemala, Bolivia, Guyana, Jamaica
Châu Phi	South Africa, Botswana, Burundi, Lesotho, Liberia, Namibia, Sao Tome and Principe, Swaziland, Malawi, Cabo Verde, Seychelles, Senegal
Trung Đông	Oman, Israel, Bahrain, Morocco, Pakistan

* Hướng dẫn hồ sơ cho thí sinh học tốt nghiệp tại các trường đại học Trung Quốc

1. Hồ sơ cho thí sinh cư trú tại Hàn Quốc và Trung Quốc

- A. Bản gốc báo cáo xác nhận học lực/bằng tốt nghiệp *không công nhận dấu xác nhận lãnh sự
- 1) Giấy chứng nhận học vị: 1 bản (tiếng Anh, hoặc bản công chứng dịch sang tiếng Anh)
<Online Verification Report of Higher Education Degree Certificate> (chsi.com.cn)
 - 2) Giấy chứng nhận học lực: 1 bản (tiếng Anh) <Online Verification of Higher Education Qualification Certificate> (chsi.com.cn)
 - 3) Chỉ những thí sinh sắp tốt nghiệp mới có thể nộp Giấy chứng nhận học lực ở phần (2), và sau khi tốt nghiệp thì thí sinh phải nộp Giấy chứng nhận học vị/học lực và bản công chứng Bằng học vị/Bằng tốt nghiệp/Bằng điểm.
※ Bản gốc bằng tốt nghiệp (tiếng Anh hoặc tiếng Trung); thí sinh sắp tốt nghiệp nộp Giấy chứng nhận chuẩn bị tốt nghiệp, sau khi tốt nghiệp thì nộp bổ sung Giấy chứng nhận tốt nghiệp.
- B. Bản công chứng của Bằng học vị và Bằng tốt nghiệp, mỗi bằng 1 bản (tiếng Anh, tổng cộng nộp 2 bản)
- C. Bảng điểm: lựa chọn 1 trong các phương thức sau
- ① Bản gốc báo cáo xác nhận điểm
 - ※ Trung tâm xác nhận học lực Trung Quốc (www.chsi.com.cn): học vị cử nhân, thạc sĩ, giấy chứng nhận đang theo học (tiếng Anh)
 - ② Bản gốc xác nhận lãnh sự: xin xác nhận lãnh sự tại Đại sứ quán Hàn Quốc tại quốc gia đã theo học

2. Điểm lưu ý

- A. Nếu hồ sơ nộp không được xác thực trên hệ thống tương ứng thì hồ sơ đó sẽ không được công nhận
- B. Thời gian để được cấp giấy xác nhận là khoảng 30 ngày, cần chuẩn bị trước để đảm bảo nộp hồ sơ đúng hạn

5

Phí xét tuyển

120,000 won (KRW) hoặc \$120 (USD)

* Phí xét tuyển không được hoàn lại sau khi hoàn tất nộp hồ sơ (ngoại trừ trường hợp bị hủy xét tuyển do lý do từ phía nhà trường)

6

Phương thức tuyển sinh

1. Yếu tố xét tuyển và thang điểm

Phân loại	Thang điểm cho từng phần		
	Đánh giá hồ sơ	Phòng vấn·thi vấn đáp	Tổng
Nhập học mới/ học chuyển tiếp	50% (100 điểm)	50% (100 điểm)	100% (200 điểm)

- A. Đánh giá hồ sơ được dựa theo chuyên ngành, môn học, thành tích học tập tại Đại học (cao học) của thí sinh
- B. Phòng vấn·thi vấn đáp được đánh giá tổng hợp dựa theo kế hoạch học tập nghiên cứu của thí sinh, kiến thức chuyên ngành, khả năng đọc sách ngoại văn, đam mê đối với học thuật, đánh giá qua các bài test trực tiếp, thành quả nộp kèm theo (đối với khối nghệ thuật), khả năng sử dụng tiếng Hàn.
- C. Kiểm tra các chuyên ngành có thi năng khiếu, đánh giá danh mục trong phần thi phỏng vấn·vấn đáp theo từng khoa và chuyên ngành tại phần sau.
- D. Trường hợp thí sinh ở nước ngoài không thể trực tiếp đến thi phỏng vấn, phỏng vấn sẽ được tiến hành qua điện thoại (hoặc gọi video).

2. Khối ngành nghệ thuật

Phân loại	Khoa	Nhập học mới	Học chuyển tiếp	Trường hợp thí sinh không ở Hàn Quốc
Hệ thạc sĩ	Khoa nhạc cụ (piano, nhạc cụ dây)	Thi thực hành	Thi thực hành	Nộp USB ghi lại bài test thực hành (không chấp nhận CD, VIDEO hoặc DVD)
	Khoa sáng tác: Chuyên ngành sáng tác	Lịch sử và lý thuyết âm nhạc phương Tây Tác phẩm của người dự thi		Thí sinh không ở Hàn Quốc có thể đăng ký
	Khoa sáng tác: Chuyên ngành lý luận	Lịch sử và lý thuyết âm nhạc phương Tây (phỏng vấn) Phân tích tác phẩm		
	Khoa sáng tác: Chuyên ngành chỉ huy	Thi thực hành		
	Khoa thiết kế công nghiệp, Khoa thiết kế môi trường, Khoa	Đánh giá Portfolio	Đánh giá Portfolio	Đánh giá Portfolio
Hệ Tiến sĩ	Khoa âm nhạc (piano, kèn, đàn dây) thanh nhạc) Thanh nhạc	Thi thực hành		Nộp USB ghi lại bài test thực hành (không chấp nhận CD, VIDEO hoặc DVD)
	Khoa âm nhạc (sáng tác)	Lịch sử và lý thuyết âm nhạc phương Tây 3 tác phẩm tự sáng tác trở lên		Thí sinh không ở Hàn Quốc có thể đăng ký
	Khoa âm nhạc (lý luận)	Lịch sử và lý thuyết âm nhạc phương Tây(phỏng vấn) 1 luận văn trở lên		
	Khoa âm nhạc (âm nhạc trị liệu)	Thi viết luận (2 tiếng)	---	Phỏng vấn qua điện thoại (hoặc gọi video)
	Khoa thiết kế, khoa nghệ thuật tạo hình	Đánh giá Portfolio	Đánh giá Portfolio	Đánh giá Portfolio

* Portfolio, thi thực hành, kiểm tra phân tích tác phẩm, kiểm tra lý luận âm nhạc, đánh giá tác phẩm của thí sinh, đánh giá luận văn của thí sinh, viết luận được tính vào điểm thi phỏng vấn thi vấn đáp

3. Hình thức xét portfolio và thi thực hành đối với khối năng khiếu nghệ thuật

A. Môn thực hành đối với khối ngành âm nhạc

1) Hệ thạc sĩ

Khoa/ Chuyên ngành		Nội dung
Khoa Piano	Piano	<ul style="list-style-type: none"> Lựa chọn 1 bài trường phái lãng mạn hoặc hiện đại Bản Sonata Ánh trăng của Beethoven (cả chương)
	Đệm đàn piano	<ul style="list-style-type: none"> Bản đánh đơn: <ol style="list-style-type: none"> Chọn 1 bài trong Étude (không quan trọng nhà soạn nhạc) Chương 1 trong bản Beethoven Sonata Bản nhạc khí: Lựa chọn 1 trong Mozart, Beethoven, Brahms, Faure, Frank, Grieg, Saint-Saens, Schumann, biểu diễn chương nhanh Bản thanh nhạc: 1 bản nhạc Đức và 1 bản tự chọn (tổng 2 bài) ※ Thí sinh đi cùng người đệm đàn

Biểu diễn dàn nhạc		• Toàn bộ chương Concerto hoặc Sonata (bao gồm cadenza)
Thanh nhạc		• 1 ca khúc (chọn 1 bài tiếng Đức/Pháp /Anh/Italia) • 1 bài Opera Arias
Sáng tác	Sáng tác	<Đối với thí sinh cư trú trong nước> • Lịch sử và lý luận âm nhạc phương Tây (phỏng vấn) • Tác phẩm của thí sinh <Đối với thí sinh cư trú ở nước ngoài> • Phỏng vấn qua video: Lịch sử và lý luận âm nhạc phương Tây • 2 tác phẩm của thí sinh trở lên
	Lý luận	<Đối với thí sinh cư trú trong nước> • Lịch sử và lý luận âm nhạc phương Tây (phỏng vấn) • Phân tích tác phẩm <Đối với thí sinh cư trú ở nước ngoài> • Phỏng vấn qua video: Lịch sử và lý luận âm nhạc phương Tây (phỏng vấn) • Phân tích tác phẩm
	Chỉ huy Hợp xướng	<Đối với thí sinh cư trú trong nước> Thi thực hành (chỉ huy) * Người đệm đàn sẽ được Khoa bố trí trong ngày thi - “Worthy is the Lamb that was slain” trong G. F. Handel <Messiah> - “He watching over Israel” trong F. Mendelssohn <Elijah> • Thực hành piano (chọn chương nhanh trong bản Sonata) • Thực hành thanh nhạc (chọn 1 bài hát tự do của Đức hoặc Ý, đệm đàn và hát) <Đối với thí sinh cư trú ở nước ngoài> 1. Phỏng vấn qua video 2. Nộp USB quay lại toàn bộ các bài thi thực hành sau (1) Thi thực hành (chỉ huy) - “Worthy is the Lamb that was slain” trong G. F. Handel <Messiah> - “He watching over Israel” trong F. Mendelssohn <Elijah> (2) Thực hành piano - Chọn chương nhanh trong bản Sonata - Hát 1 ca khúc tự chọn

2) Hệ tiến sĩ

Khoa/ Chuyên ngành		Nội dung
Piano	Piano	• Chơi 3 bản nhạc thuộc nhiều thời đại khác nhau (60 phút, bắt buộc chơi bản Sonata cổ điển)
	Nhạc cụ thổi	• Chơi 4 bản nhạc thuộc nhiều thời đại khác nhau (60 phút)
	Nhạc cụ dây	• Chơi 4 bản nhạc thuộc nhiều thời đại khác nhau (60 phút)
	Thanh nhạc	• Biểu diễn tự do và Lecture (trong vòng 30 phút): thí sinh nộp danh sách bản nhạc sẽ chơi trong ngày thi
	Â m nhạc Trị liệu	<Đối với thí sinh cư trú trong nước> • Thi viết luận về âm nhạc trị liệu (2 tiếng) <Đối với thí sinh cư trú ở nước ngoài> • Phỏng vấn qua video hoặc điện thoại
Sáng tác	Sáng tác	<Đối với thí sinh cư trú trong nước> • Lịch sử và lý luận âm nhạc phương Tây (phỏng vấn) • 3 tác phẩm của thí sinh trở lên (bắt buộc có 1 bài cho dàn nhạc) <Đối với thí sinh cư trú ở nước ngoài> • Phỏng vấn qua video: Lịch sử và lý luận âm nhạc phương Tây • 2 tác phẩm của thí sinh trở lên
	Lý luận	<Đối với thí sinh cư trú trong nước> • Lịch sử và lý luận âm nhạc phương Tây (phỏng vấn) • 1 luận văn trở lên <Đối với thí sinh cư trú ở nước ngoài> • Phỏng vấn qua video: Lịch sử và lý luận âm nhạc phương Tây (phỏng vấn) • 1 luận văn trở lên

Chỉ huy	Dàn nhạc	<p><Đối với thí sinh cư trú trong nước></p> <ol style="list-style-type: none"> Thi thực hành (chỉ huy) * Người đệm đàn sẽ được Khoa bố trí trong ngày thi Chương 1 trong L. v. Beethoven Symphony No.1 C. M. v. Weber Opera <Oberon> Overture Xướng âm và thắm âm (đơn thanh, thanh 2, thanh 4) và cách đọc nhạc phổ Thực hành piano (chọn chương nhanh trong bản Sonata) Đệm đàn và hát một bài Opera cho sẵn Điệp khúc 2 “Là cidarem lamano” trong W.A. Mozart Opera <Don Giovanni> K.527 <p><Đối với thí sinh cư trú ở nước ngoài></p> <ol style="list-style-type: none"> Phòng vấn qua video Nộp USB quay lại toàn bộ các bài thi thực hành sau (1) Thi thực hành (chỉ huy) Chương 1 trong L. v. Beethoven Symphony No.1 C. M. v. Weber Opera <Oberon> Overture (2) Thực hành piano Chọn chương nhanh trong bản Sonata (3) Đệm đàn và hát một bài Opera cho sẵn Điệp khúc 2 “Là cidarem lamano” trong W.A. Mozart Opera <Don Giovanni> K.527
	Hợp xướng	<p><Đối với thí sinh cư trú trong nước></p> <ol style="list-style-type: none"> Thi thực hành (chỉ huy) * Người đệm đàn sẽ được Khoa bố trí trong ngày thi “Worthy is the Lamb that was slain” trong G. F. Handel <Messiah> “He watching over Israel” trong F. Mendelssohn <Elijah> Xướng âm và thắm âm (đơn thanh, thanh 2, thanh 4) Thực hành piano (chọn chương nhanh trong bản Sonata) Thực hành thanh nhạc (chọn 1 bài hát tự do của Đức hoặc Ý, đệm đàn và hát) <p><Đối với thí sinh cư trú ở nước ngoài></p> <ol style="list-style-type: none"> Phòng vấn qua video Nộp USB quay lại toàn bộ các bài thi thực hành sau (1) Thi thực hành (chỉ huy) “Worthy is the Lamb that was slain” trong G. F. Handel <Messiah> “He watching over Israel” trong F. Mendelssohn <Elijah> (2) Thực hành piano Chọn chương nhanh trong bản Sonata Hát 1 ca khúc tự chọn

B. Hình thức xét Portfolio ngành mỹ thuật

1) Hệ thạc sĩ

Khoa	Quy cách & Mẫu	Số tác phẩm	Nội dung
Thiết kế hình ảnh	Chọn trong A3, B4, A4	Trên 5 điểm	• 10 trang portfolio
Thiết kế công nghiệp	Chọn trong A3, B4, A4	Trên 5 điểm	• Thể hiện các tác phẩm chính trên nền mặt phẳng
Thiết kế môi trường	Chọn trong A3, B4	Trên 3 điểm	• Thể hiện các tác phẩm chính trên nền mặt phẳng • (những tác phẩm thể hiện được năng lực bản thân qua độ phối cảnh, 3D)
Nghệ thuật tạo hình	8”*10”	10 điểm	• Kẹp tác phẩm vào file A4 rồi nộp (gồm giải thích tác phẩm, đặc trưng, tên đề tài, vật liệu, kích cỡ) • Tuân thủ đúng các tiêu chuẩn kích cỡ và số lượng tác phẩm (thông tin cá nhân chỉ ghi ở bìa tài liệu)
<p>- Trường hợp tác phẩm được chế tác bởi nhiều tác giả thì cần giải thích rõ về đồng tác giả, phạm vi tham gia của bản thân. Nếu có sự không minh bạch, đạo văn, dấu hiệu đánh cắp tác phẩm của người khác thì thí sinh sẽ bị xét trượt ngay cả sau khi trúng tuyển và nhập học.</p>			

3) Hệ tiến sĩ, h

4) ệ thạc sĩ/tiến sĩ kết hợp

Khoa	Quy cách & mẫu	Số tác phẩm	Nội dung
Thiết kế	Không giới hạn	Tác phẩm chế tác trong vòng 5 năm 10 điểm	---
Nghệ thuật tạo hình	8"*10"	20 điểm	<ul style="list-style-type: none">• Kẹp tác phẩm vào file A4 rồi nộp (gồm giải thích tác phẩm, đặc trưng, tên đề tài, vật liệu, kích cỡ)• Tuân thủ đúng các tiêu chuẩn kích cỡ và số lượng tác phẩm (chi ghi thông tin cá nhân ở bìa tài liệu)

C. tiến sĩ của khoa Múa, khoa Thể chất đều không tiến hành thi thực hành

1. Trong trường hợp hội đồng khoa đánh giá các thí sinh ứng tuyển không đủ năng lực để trúng tuyển, khoa đó có thể sẽ không tuyển sinh.
2. Thí sinh vắng mặt buổi thi phỏng vấn·vấn đáp sẽ bị xét trượt.
3. Theo nguyên tắc, thí sinh theo học hệ tiếng Hàn cần nộp chứng chỉ Topik cấp 3 trở lên. Đối với hệ tiếng Anh TESOL, khoa Hóa học, khoa Hóa sinh, khoa Hệ thống cơ khí yêu cầu TOEFL PBT 530, CBT 197, IBT 71, IELTS 5.5, TEPS(mới) 327 trở lên hoặc các chứng chỉ Tiếng Anh tương ứng.
Chuyên ngành có hệ song ngữ (học bằng tiếng Hàn hoặc tiếng Anh) bao gồm Khoa Sinh học hệ thống, Khoa Dược và Khoa Bào chế thuốc, thí sinh của từng khoa tương ứng phải đảm bảo đủ các điều kiện tốt nghiệp theo tiêu chuẩn của hệ tiếng mà bản thân đã lựa chọn khi nhập học
Sau đây là những khoa có thể học song hành (sinh viên không có chứng chỉ Topik vẫn có thể học đồng thời chương trình Cao học và khóa học tiếng)
 - Hệ Thạc sĩ: Khoa Múa, Khoa Mỹ thuật Tạo hình (Chuyên ngành Hội họa Hàn Quốc), Khoa Quản trị Kinh doanh (Quản lý/Chiến lược Quốc tế), Khoa Sáng tác
 - Hệ Tiến sĩ: Khoa Múa, Khoa Mỹ thuật Tạo hình (Chuyên ngành Hội họa Hàn Quốc), Khoa Quản trị Kinh doanh (Quản lý/Chiến lược Quốc tế), Khoa Sáng tác, Khoa thanh nhạc
 - Thông tin chi tiết sẽ được thông báo riêng cho thí sinh đã trúng tuyển.
 Đối với những hạng mục ngoại lệ, thí sinh vui lòng tham khảo mục (4)~(6) dưới đây

* **Yêu cầu** Topik cấp 4 trở lên đối với Khoa phúc lợi trẻ em, Khoa Đông Á học.

4. Các thí sinh không có đủ chứng chỉ năng lực tiếng Hàn như trên, nếu trúng tuyển phải nộp bổ sung chứng chỉ khi nhập học, nếu không đạt điểm theo yêu cầu thì phải tạm thời bảo lưu cho đến khi đạt đủ điều kiện. Các thí sinh theo hệ tiếng Anh sẽ không được nhận nếu không có đủ chứng chỉ năng lực tiếng Anh như tiêu chuẩn.
5. Thí sinh được học bổng Chính phủ Hàn Quốc hoặc học bổng chính phủ nước sở tại sẽ tuân theo tiêu chuẩn xét và quy định quản lý của cơ quan cấp học bổng.
6. Các thí sinh không đáp ứng được yêu cầu về chứng chỉ năng lực tiếng theo mục 3~4 như trên nhưng chứng minh được là có năng lực tiếng tương đương vẫn có thể ứng tuyển.

<hệ học bằng tiếng Hàn>

(1) Người đã/sắp có bằng cử nhân, thạc sĩ, tiến sĩ tại Hàn Quốc

(2) Người đang/sắp học chuyên ngành tiếng Hàn tại các trường đại học, cao học tại nước ngoài

(3) Người đã/sắp hoàn thành khóa học tiếng Hàn cấp 4 trở lên tại Viện đào tạo ngôn ngữ quốc tế của trường

<hệ học bằng tiếng Anh>

(4) Người thuộc các quốc gia sử dụng tiếng Anh là ngôn ngữ chính thống hoặc đã tốt nghiệp trường học tại các quốc gia đó. (Chỉ áp dụng đối với khoa TESOL, Hóa học, Sinh học hệ thống, Sinh hóa, Hệ thống cơ). Tuy nhiên, tại các quốc gia có 2 ngôn ngữ chính thống, trong đó tiếng Anh là một trong hai, thì cần giấy xác nhận chương trình học được giảng dạy bằng tiếng Anh

<hệ học song ngữ> khi nhập học sẽ áp dụng tiêu chí trên theo hệ ngôn ngữ mà bản thân đã lựa chọn

※ Trước khi tốt nghiệp phải có chứng chỉ TOPIK cấp 4 trở lên (trừ các khoa đào tạo bằng tiếng Anh). Tuy nhiên, đối với Khối Năng khiếu nghệ thuật chỉ cần có chứng chỉ TOPIK cấp 3 trở lên.

1. Sau khi nộp hồ sơ online, thí sinh có thể đến nộp hồ sơ gốc trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện. Sau khi nộp online, thí sinh in đơn đăng kí ra và nộp kèm theo các hồ sơ khác. **Bắt buộc phải nộp kèm hóa đơn đã nộp phí tuyển sinh.**
2. Hồ sơ phải được gửi đến trường trong kỳ hạn nộp. Lưu ý chuẩn bị hồ sơ bổ sung nếu có tùy theo từng khoa và ngày phỏng vấn.
3. Các hạng mục cần điền vào phiếu đăng kí tuyển sinh
 - (1) Tên tiếng Hàn/tên tiếng Anh
 - (2) **Tên khoa ứng tuyển/điểm GPA tính theo thang điểm 100**
 - (3) Quốc tịch/ngày tháng năm sinh/số chứng minh thư (người nước ngoài)
 - (4) Quốc gia của trường đã tốt nghiệp/Tên trường/Tên khoa/Năm tốt nghiệp
 - (5) Địa chỉ/Số điện thoại nhà/Số điện thoại di động
 - (6) Quốc tịch của bố mẹ thí sinh/Số điện thoại/Địa chỉ
 - (7) Địa chỉ email/Skype ID của thí sinh
 - (8) Trình độ tiếng Hàn/điểm tiếng Anh của thí sinh
4. Upload ảnh màu khi đăng kí online. Cách upload ảnh:
 - Ảnh chụp không quá 3 tháng, không đội mũ, màu nền đơn sắc, chụp chính diện, kích cỡ 3x4
 - Định dạng file ảnh phải là JPG. Không sử dụng ảnh có độ phân giải quá thấp
 - Ảnh upload lên được sử dụng để xác minh thí sinh, sau khi đỗ dùng cho phát hành thẻ sinh viên, quản lý thông tin sinh viên v/v.
5. **Bắt buộc phải điền thông tin liên hệ, và là thông tin có thể liên lạc được trong thời gian xét duyệt, trường hợp không liên hệ được khi cần, thí sinh có thể gặp bất lợi.**
6. **Trường hợp phát hiện làm giả hồ sơ, điền thông tin sai sự thật, không đủ tư cách ứng tuyển, sử dụng phương thức bất chính thì thí sinh sẽ bị hủy kết quả đỗ ngay cả sau khi nhập học.**
7. Hồ sơ tuyển sinh và phí xét tuyển không được hoàn trả
8. Mang theo phiếu dự thi, chứng minh thư (hộ chiếu, hoặc chứng minh thư người nước ngoài) để xác nhận vào ngày thi.
9. Phải đến trước hoàn tất thủ tục thi trước giờ thi 30 phút.
10. Không được mang theo người các thiết bị gây ảnh hưởng đến buổi thi, thiết bị liên lạc như điện thoại, thiết bị âm thanh như CD, MP3.
11. Tiến hành kiểm tra sức khỏe đối với các thí sinh đăng kí nhập học, nếu phát hiện bệnh, tật gây ảnh hưởng đến khả năng học hoặc gây ảnh hưởng đến người xung quanh thì thí sinh có thể sẽ phải đăng kí bảo lưu hoặc tiến hành các biện pháp chữa trị thích hợp.
12. Các hạng mục không được đề cập tại thông tin tuyển sinh này sẽ được thực hiện theo quy chế của trường. Phiếu tuyển sinh này được soạn ra bằng tiếng Hàn và dịch ra các ngôn ngữ khác. Nếu phát sinh mâu thuẫn về mặt ý nghĩa tại

thông tin tuyển sinh giữa bản gốc và bản dịch thì bản gốc tiếng Hàn được ưu tiên sử dụng.

13. Trường hợp thí sinh thay đổi chuyên ngành học thì sau khi nhập học, có thể phải học bổ sung tối đa 15 tín chỉ đối với hệ thạc sĩ, học bổ sung các môn chuyên ngành hệ thạc sĩ đối với thí sinh hệ tiến sĩ.

Tuy nhiên, nếu văn phòng khoa mà thí sinh ứng tuyển chấp nhận chuyển điểm cho các môn mà thí sinh đã học tại hệ đại học trước đó thì có thể miễn giảm một số môn học bổ sung. Mọi thắc mắc liên quan đến môn học bổ sung, sinh viên có thể liên hệ phòng Học vụ hệ cao học (02-2077-7928)

14. Trong trường hợp (dự kiến) có hai bằng đại học, thí sinh nên lựa chọn 1 bằng đại học có lợi cho bản thân đồng thời nộp kèm giấy tờ tương ứng khác. (không thể thay đổi sau khi nộp hồ sơ)

15. Nếu thí sinh tại nước ngoài được thay thế hình thức thi thực hành bằng video, thí sinh đăng ký khoa tương ứng (Thạc sĩ: khoa Piano, khoa Dân nhạc, khoa Thanh nhạc/ Thạc sĩ: khoa Âm nhạc) phải kiểm tra kỹ hình ảnh và âm thanh của video trước khi nộp, nếu có vấn đề phát sinh từ hình ảnh hoặc âm thanh của video, thí sinh có thể sẽ gặp bất lợi.

◇ Địa chỉ nộp hồ sơ và giải đáp thắc mắc cho thí sinh nước ngoài

- Địa chỉ 100 Cheongpa-ro 47-gil, Yongsan-gu, Seoul, Korea, 04310
Administration Building #203, Office of International Affairs, Sookmyung Women's University
- Số điện thoại +82-2-710-9284/9817 (Cao học)
- Thư điện tử admission@sookmyung.ac.kr
- Trang chủ <http://e.sookmyung.ac.kr>

9

Chế độ học bổng dành cho sinh viên nước ngoài

1. Học bổng nhập học (học kì đầu tiên) – học bổng cho các nhân tài

Loại học bổng	Nội dung học bổng	TOPIK	Trung tâm ngoại ngữ của trường	TOEFL (iBT)	IELTS
A	Miễn học phí 70%	Cấp 6	-	110 trở lên	8.0 trở lên
B	Miễn học phí 50%	Cấp 5	Hoàn thành lớp cấp 6	100~109	7.0~7.5
C	Miễn học phí 40%	Cấp 4	Hoàn thành lớp cấp 5	80~99	6.0~6.5
D	Miễn học phí 30%	Cấp 3	Hoàn thành lớp cấp 4	60~79	5.5

A. Tư cách: Thí sinh có bố mẹ đều là người nước ngoài, được nhà trường xét chọn trao học bổng

B. Hạng mục đánh giá: Điểm ngôn ngữ (100%)

C. Hướng dẫn

- ① Học bổng nhập học được tự động xét duyệt và trao cho thí sinh, không cần đăng ký. Thí sinh có thể đăng kí cả học bổng của trường và học bổng sinh viên trao đổi, tuy nhiên nếu đạt cả 2 học bổng thì phí nhập học chỉ được miễn một lần.
- ② Thông tin về học bổng có thể tra cứu khi kiểm tra thông tin trúng tuyển
- ③ Phí nhập học, tiền học phí được tính theo kỳ học và chuyên ngành tương ứng
- ④ Thông qua xét duyệt, thí sinh trúng tuyển có thể được hỗ trợ thêm học bổng ký túc xá hoặc tiền vé máy bay
- ⑤ Nếu thí sinh đăng ký hệ tiếng Anh là người bản ngữ, người có quốc tịch của quốc gia nói tiếng Anh hoặc có bằng học vị (dự kiến) tại quốc gia nói tiếng Anh, nếu không nộp riêng chứng chỉ ngoại ngữ, năng lực ngôn ngữ của thí sinh sẽ được tính tương đương với TOPIK cấp 5. Tuy nhiên, với những quốc gia có 2 loại ngôn ngữ chính thống trở lên bao gồm tiếng Anh, thí sinh cần nộp tài liệu xác nhận chương trình học được tiến hành bằng tiếng Anh.

- ⑥ Những thí sinh (dự kiến) đạt học vị cử nhân, thạc sĩ hoặc tiến sĩ tại Hàn Quốc, và (dự kiến) tốt nghiệp khoa tiếng Hàn tại đại học hoặc cao học ở nước ngoài, nếu không nộp riêng chứng chỉ ngoại ngữ, sẽ được tính tương đương với TOPIK cấp 4.

2. Học bổng nhập học (học kì đầu tiên) – học bổng đồng môn Sookmyung

- Tư cách: Sinh viên dự kiến tốt nghiệp tại Sookmyung
- Nội dung học bổng: Miễn phí nhập học

3. Học bổng nhập học (học kì đầu tiên) – học bổng sinh viên trao đổi tại Sookmyung

A. Tư cách: Sinh viên dự kiến hoàn thành chương trình trao đổi sinh viên tại Sookmyung

B. Nội dung học bổng: Miễn phí nhập học

4. Học bổng khi đang theo học (Học kỳ chính quy: thạc sĩ 4 kỳ, tiến sĩ 4 kỳ)

- ① Học bổng cho sinh viên nước ngoài đang theo học sẽ được xét theo tiêu chuẩn của trường

Thành tích học kì trước	Học bổng
4.0 - 4.3	Miễn giảm 50% học phí
3.7 - 4.0	Miễn giảm 30% học phí
3.5 - 3.7	Miễn giảm 20% học phí

※ Sinh viên không cần đăng ký, học bổng sẽ tự động được xét dựa theo điểm học của học kỳ trước đó

② Sinh viên có luận văn được đăng trên Tạp chí Khoa học Quốc tế trong vòng 6 tháng kể từ ngày được đăng tải (Sinh viên là tác giả chính, Giáo sư chủ nhiệm là tác giả liên hệ), sẽ được cấp học bổng là 100% học phí sau khi luận văn được xét duyệt. Tuy nhiên, sinh viên phải đăng ký qua email trên trang (studyabroad@sm.ac.kr) trong thời hạn quy định thì luận văn mới được xét duyệt.

- ③ Quy định tiêu chuẩn cấp học bổng khi đang học

- Cấp học bổng cho những sinh viên tích lũy trên 6 tín chỉ/học kỳ (không bao gồm môn xét điểm P/F)
- Chỉ cấp cho các học kỳ chính quy (Thạc sĩ 4 kỳ, Tiến sĩ 4 kỳ)
- Kết quả môn học bổ sung không được tính vào điểm.

(* Nếu chỉ học môn học bổ sung sẽ không được tính điểm nên không được tính vào tư cách xét học bổng)

④ Thang điểm chuẩn là 4.3, thành tích học tập được tính theo thành tích học kỳ trước đó.

⑤ Chỉ những sinh viên tham gia bảo hiểm mới được cấp học bổng.

⑥ Thông tin chi tiết về các loại học bổng khác được ghi rõ trong quy định về học bổng của trường.

1. Tư cách đăng ký: Sinh viên nước ngoài nhập học mới có bố mẹ là người nước ngoài
2. Cách thức đăng ký: Đăng ký online trên trang chủ của trường (Hướng dẫn cụ thể khi có thông báo trúng tuyển)
3. Chi phí ký túc xá (1 học kỳ, 4 tháng)
Chi phí trên thay đổi theo từng loại phòng ký túc xá, sinh viên phải đăng kí ở và đóng tiền riêng trong kỳ nghỉ
4. Liên hệ: +82-2-6325-3100 / inthouse@sookmyung.ac.kr /

<http://e.sookmyung.ac.kr> → Life on Campus → Housing

* Nếu số lượng đăng ký vượt quá số phòng và sinh viên không được bố trí phòng, sinh viên phải tự tìm chỗ ở bên ngoài.

<Trong trường hợp có mâu thuẫn về thông tin, bản kế hoạch tuyển sinh bằng tiếng Hàn sẽ được ưu tiên sử dụng>

제출서류 목록 확인 Documents Self-Check list			
1. 학업계획서 Study Plan	<input type="checkbox"/>	8. 학력조회동의서 Academic Record Check Agreement	<input type="checkbox"/>
2. 학사졸업(예정)증명서 Certificate of graduation(BA)	<input type="checkbox"/>	9. 학위인증보고서(Degree) 1) Credentials Report (http://www.cdgc.edu.cn) 2) Online Verification of Higher Education Qualification Certificate (chsi.com.cn) * Institutions in China Only	<input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/>
3. 학사학위증 Degree of BA	<input type="checkbox"/>	10. 성적인증보고서(Transcript) Credential Reports(Institutions in China only)	<input type="checkbox"/>
4. 학사 성적증명서 Transcript(BA)	<input type="checkbox"/>	11. 어학증명서(한국어/영어) Language Certificate (Eng or Kor)	<input type="checkbox"/>
5. 석사 졸업(예정)증명서 Certificate of graduation(MA)	<input type="checkbox"/>	12. 가족관계증명서 Family Relationship Certificate	<input type="checkbox"/>
6. 석사 학위증 Degree of MA	<input type="checkbox"/>	13. 부/모 신분증 사본 Passport copies of Father / Mother	<input type="checkbox"/>
7. 석사 성적 증명서 Transcript(MA)	<input type="checkbox"/>	14. 지원자 여권 혹은 외국인등록증 사본 Passport or Alien registration car copy	<input type="checkbox"/>
15. 입학지원서 하단 본인자필 서명 Signature at the bottom of the application page	<input type="checkbox"/>	16. [박사] 이력서 Resume (KOR or Eng) [박사] 석사논문 초록 Abstract (Kor or Eng)	<input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/>
17. 지도교수 성명 (*자연과학계와 공학계 해당) Professor in charge: Natural Science & Engineering		18. 예체능계 포트폴리오 또는 실기USB : 학과마다 상이 (pg 9-10 참조) Arts and Physical Education applicants Profolio and Performance USB (Refer pg. 9-10)	<input type="checkbox"/>
서류접수일 Documents submission Date	YYYYMMDD		
SKYPE ID (해외거주자의 경우 필수) If you are residing out of Korea			

우리대학은 수집한 개인정보(성명, 주민등록번호, 전화번호, 이메일 주소 등)를 개인정보보호법에 따라 입학전형 목적 이외의 용도로 사용하지 않습니다.

Our university does not use personal information collected (name, resident registration number, phone number, email address, etc.) for purposes other than admission purposes in accordance with the Personal Information Protection Act.

단, 합격하여 최종 등록한 자의 개인정보는 입학 후 학력조회 및 자격조회, 우리대학의 학적부 생성, 학생증 발급 및 재학 기간 중의 교육과정 등을 위한 자료로 활용합니다.

However, personal information of those who have passed and registered is used as data for the examination and qualification of their academic records after admission, the creation of the academic records of our university, the issuance of student certificates and curriculum during your study period.

본인은 상기 내용에 대한 개인정보 활용에 동의합니다.

I agree to the use of personal information about the above information.

[서식 1]입학지원서 양식: ※ means ‘Official only’

Application Form: Sookmyung Women’s University Graduate School

20____학년도 정원외 부모모두 외국인인 외국인 입학전형			수험번호 (Application No.)		
성명(Name)	Korean				Photo (3*4)
	English (Name on Passport)	(Surname)		(Given Name)	
지원학과(Department)	(Please fill out exact name on the guideline)				
지원전공(Major)	(Please fill out exact name on the guideline)				
과정(MA/Ph.D./Combined)					
입학구분(Freshwoman/Transfer)					
생년월일(Date of Birth)	(Day)	(Month)		(Year)	
국적(Nationality)	지원자(Applicant)	아버지(Father)		어머니(Mother)	
TOPIK 공인어학능력점수 (Official Language Test Results)	Level () 유효기간(Valid until) 년 월 일	English 공인어학능력점수 : English (Official Language Test Results)		Test name: Level() Valid until: YYYYMMDD ..	
외국인등록번호 (Alien Registration No.)	(Card Holders Only)	E-Mail			
휴대폰번호(Cellphone No.)		Skype I.D. (해외거주자의 경우 필수) (Mandatory for oversea applicants)			
국적(Nationality)	지원자(Applicant)	아버지(Father)		어머니(Mother)	
주소(Address)					
보호자 연락처 (Emergency Contact information)	Email:		Cellphone number: (Korea if you have) :		
학력	학사(Bachelor’s)	Name of University (Official English Name)			
		Major		GPA	/100
		Date of Admission	(Day/Month/Year)	Date of Graduation	(Day/Month/Year)
	석사(Master’s)	Name of University (Official English Name)			
		Major		GPA	/100
		Date of Admission	(Day/Month/Year)	Date of Graduation	(Day/Month/Year)
	박사(Ph.D.)	Name of University (Official English Name)			
		Major		GPA	/100
		Date of Admission	(Day/Month/Year)	Date of Graduation	(Day/Month/Year)

I certify that the information given in this application is complete and accurate.

본인은 상기 기재내용이 사실과 다르지 않음을 서약합니다.

. . . (Date/작성일)

Applicant(지원자) _____ (Signature)

숙명여자대학교 총 장 귀하

[서식 2]학업 및 연구계획서

숙명여자대학교 일반대학원 학업 및 연구 계획서



◆ 석사학위과정 ◆

수험번호	※ 기재하지 않습니다.	성명	
학과		전공	
1. 자기소개			
2. 진학동기			
3. 연구 관심분야			

위와 같이 학업 및 연구계획서를 제출합니다.

20 년 월 일

지원자 _____ (인)

숙명여자대학교 총 장 귀하

[서식 2]학업 및 연구계획서

숙명여자대학교 일반대학원

학업 및 연구 계획서

◆ 석·박사통합과정, 박사학위과정 ◆

수험번호 학 과	※ 기재하지 않습니다.	성 명	
		전 공	
1. 자기소개			
2. 진학동기			
3. 연구논문제목			
4. 연구의 목적 및 필요성			
5. 연구방법			
6. 연구일정			

위와 같이 학업 및 연구계획서를 제출합니다.

년 월 일

지원자 _____ (인)

숙명여자대학교 총장 귀하

[서식 2]이력서(박사) 양식

숙명여자대학교 일반대학원 박사과정 지원자 이력서

수험번호		성명	
학과		세부전공	

1. 학력사항

구분	기간	학교	학과	학위명
학사	~			
석사	~			

2. 경력사항

기간	근무기관	담당업무	직위	증빙여부 (V)
~				
~				
~				
~				

3. 연구실적

연구자명	발표논문(연구)제목	발표(게재)지	발표(게재)년월일	증빙여부 (V)

위 내용은 사실과 같음을 확인합니다.

년 월 일

지원자 _____ (인)

숙명여자대학교 총장 귀하

[서식 3]학력조회동의서 양식

※ 한국어 또는 영어로 작성하며 반드시 자필서명 합니다. Please fill the form in Korean or English, do not forget sign it.

학력조회동의서

Academic Record Check Agreement

이 양식에 서명함에 따라 본인이 이수한 학력/학위과정에 대하여 진위를 조회할 수 있도록
숙명여자대학교에 권한을 부여하며 학력조회에 동의합니다.

By signing this form, I am giving my agreement and hereby authorize Sookmyung Women's University to verify my degree/enrollment records.

Applicant Information 지원자 정보	
School Name 학교명	
Name of Applicant 지원자성명	(Family Name, 성) (Given Name, 이름)
Academic Background 학력 / 취득학위	<input type="checkbox"/> 고등학교 졸업 High School Graduate <input type="checkbox"/> 학사 Bachelor <input type="checkbox"/> 석사 Master
Major Course of Study 학과/전공	
Student ID Number 학번	
Date of birth 생년월일	년 (YYYY) / 월/(MM) / 일/(DD)
Date of admission(transfer from another school) 입학일자	년 (YYYY) / 월/(MM) / 일/(DD)
Date of graduation(transfer to another school) 졸업일자	년 (YYYY) / 월/(MM) / 일/(DD)
Signature of Subject, Date 지원자 서명 및 작성일자	
_____ 지원자 서명(Signature of Subject) Date 작성일자 _____ 년 (YYYY) / 월/(MM) / 일/(DD)	
Office in Charge of You Graduated Information (Applicant who graduated School in Korea, do not need to fill in.)	Name of office : Phone : FAX :
학력조회 담당부서명 및 연락처, 이메일 (국내대학 졸업자의 경우 기재하지 않음)	Email :

귀하가 제공한 개인정보는 학력조회 의뢰 용도로만 사용되며 엄중히 관리됩니다.

The information you provide will be kept in strict confidence and will be used only for the purpose of degree(enrollment) verification. Thank you for your assistance.

■ 우리대학은 입시의 공정한 관리 및 진행을 위하여 이 서약서를 제출 받습니다.

■ 우리대학은 개인정보보호법에 따라 개인 신상정보를 철저히 보호하며 관련된 업무 이외에는 사용하지 않겠습니다.